

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ số trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 62/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 922/TTr-STTTT ngày 04 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Công nghệ số trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn.

1. Vị trí: Trung tâm Công nghệ số (viết tắt là TTCNS) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, bộ máy, biên chế, chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông.

TTCNS có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và được cấp kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trụ sở làm việc của TTCNS đặt tại trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông: số 01, đường Mai Thê Chuân, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chức năng: TTCNS có chức năng tham mưu, giúp việc cho Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ về ứng dụng, sử dụng, quản trị, vận hành công nghệ số, nền tảng số trong việc quản lý thực hiện chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm an toàn, an ninh mạng; ứng cứu xử lý sự cố an toàn, an ninh mạng; thực hiện các dịch vụ số do Nhà nước giao trực tiếp, đặt hàng; các nhiệm vụ thông qua tuyển chọn, đấu thầu; liên kết tổ chức đào tạo công nghệ số, bồi dưỡng kiến thức công nghệ số, nền tảng số; nghiên cứu, phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về lĩnh vực công nghệ số, truyền thông, công nghiệp công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin; cung cấp các dịch vụ tư vấn, thẩm tra thuộc lĩnh vực công nghệ số; kinh doanh phù hợp với lĩnh vực của TTCNS theo quy định pháp luật.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn

3.1. Về Công nghệ số, nền tảng Kỹ thuật số

a) Giúp việc Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp về Công nghệ số, nền tảng Kỹ thuật số phục vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, cửa khẩu số và công nghiệp công nghệ thông tin.

b) Đề xuất, nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và thực hiện chương trình, công trình, đề tài, đề án, áp dụng khoa học kỹ thuật số và chuyển giao công nghệ số trong lĩnh vực xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử, cải cách hành chính, đô thị thông minh, cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và đơn đặt hàng của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Triển khai, quản trị, vận hành, duy tu, bảo dưỡng Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh; quản lý, vận hành các ứng dụng, tài nguyên, cơ sở dữ liệu, số hóa dữ liệu dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.

d) Tổ chức giám sát, vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, đầu mối điều tiết, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin do Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh quản lý.

đ) Quản lý hệ thống hạ tầng số, công nghệ số, dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

e) Được Nhà nước đặt hàng cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực chuyển đổi số và truyền thông được phê duyệt trên địa bàn tỉnh.

g) Được phép hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị, tổ chức khác để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Tổ chức hoặc hợp

đồng với các tổ chức, cá nhân thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách lĩnh vực chuyển đổi số và truyền thông do Nhà nước đặt hàng theo quy định.

h) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên đổi số; dịch vụ số; kỹ năng số; an toàn, an ninh mạng; diễn tập ứng cứu xử lý sự cố an toàn, an ninh mạng; mã nguồn mở; ứng dụng công nghệ số cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức. Liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các đơn vị trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ số và truyền thông theo quy định của pháp luật.

i) Nghiên cứu, xây dựng phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, nền tảng số và truyền thông phục vụ quản lý nhà nước, xây dựng và quản lý kho dữ liệu truyền thông cơ sở, tuyên truyền và quảng bá thông tin; xuất bản bản tin lĩnh vực thông tin và truyền thông, chuyển đổi số.

k) Cung cấp, phối hợp cung cấp dịch vụ tư vấn ứng dụng công nghệ số, hạ tầng số và truyền thông, dịch vụ số bao gồm: khảo sát, lập dự án đầu tư, lập thiết kế thi công và dự toán, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, giám sát thi công, giám sát và đánh giá đầu tư, lập kế hoạch và dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số; cung cấp các dịch vụ kiểm thử; kiểm định, định giá; duy tu, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; xây dựng phần mềm; số hóa, lưu trữ dữ liệu; cho thuê hạ tầng, ứng dụng công nghệ số theo quy định của pháp luật.

l) Tổ chức các hoạt động, dịch vụ truyền thông, sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm; các hoạt động truyền thông đa phương tiện, truyền thông mạng xã hội; các hoạt động giao dịch sản phẩm, xúc tiến đầu tư về công nghệ số và truyền thông theo quy định của pháp luật.

3.2. Về quản lý, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Giúp việc Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

b) Tham mưu, trình Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức, triển khai kế hoạch, chương trình tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi hoạt động của cơ quan nhà nước.

c) Tham mưu, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của địa phương để bảo đảm an toàn, an ninh mạng phục vụ xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin.

d) Phối hợp, chủ trì tổ chức thực hiện công tác điều tra, khảo sát, tổng hợp, thống kê các thông tin, số liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước và đánh giá mức độ bảo đảm an toàn, an ninh mạng hằng năm của địa phương.

đ) Là đầu mối điều phối các hoạt động đánh giá an toàn, an ninh mạng,

ứng cứu, khắc phục, xử lý sự cố an toàn, an ninh mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

e) Phối hợp thực hiện, tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng đối với sản phẩm, thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông và các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

g) Tham mưu xây dựng và chủ trì thực hiện kế hoạch kiểm tra an toàn, an ninh mạng hằng năm.

h) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

i) Chủ trì, xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động hằng năm của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh. Tổ chức các hoạt động xử lý khắc phục các sự cố tấn công mạng.

k) Hướng dẫn công tác tổ chức bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn chuyển giao giải pháp kỹ thuật, công nghệ số, nền tảng số, quy trình bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

l) Tiếp nhận, xây dựng các văn bản thông tin cảnh báo về các sự cố tấn công mạng.

m) Quản lý, vận hành số liệu, cơ sở dữ liệu về tấn công mạng: cải tiến, cập nhật thông tin/dữ liệu về tấn công mạng lên các hệ thống chia sẻ thông tin.

n) Phối hợp, liên kết tổ chức đào tạo và nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn, an ninh mạng đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3.3. Về công nghiệp công nghệ thông tin

a) Tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án; cơ chế, chính sách, các quy định quản lý, hỗ trợ phát triển công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của TTCNS;

b) Phối hợp cập nhật cơ sở dữ liệu về sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương.

c) Phối hợp tổng hợp, đánh giá mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông tại địa phương.

3.4. Nhiệm vụ khác

a) Quản lý và duy trì hoạt động của các hệ thống, cơ sở dữ liệu đặt tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và các hệ thống khác của tỉnh.

b) Quản lý và duy trì phòng họp trực tuyến đối với điểm cầu đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm về mặt kỹ thuật tại phòng họp trực tuyến của tỉnh đối với điểm cầu đặt tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; hỗ trợ kỹ thuật phòng họp trực tuyến đối với điểm cầu đặt tại các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

c) Liên doanh, liên kết hợp tác kinh doanh đầu tư với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến chức năng nhiệm vụ của TTCNS nhằm tạo thêm các nguồn thu hợp pháp khác để phát triển sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với các cơ quan quản lý nhà nước về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.

đ) Quản lý, sử dụng biên chế, đội ngũ viên chức, người lao động, tài chính, tài sản của TTCNS theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc, kinh phí hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy

a) Lãnh đạo TTCNS: Giám đốc và không quá 02 (hai) Phó Giám đốc.

Giám đốc TTCNS chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và toàn bộ hoạt động của TTCNS.

Phó Giám đốc TTCNS giúp Giám đốc TTCNS phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, trước Giám đốc TTCNS và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; được uỷ quyền điều hành các hoạt động của TTCNS khi Giám đốc TTCNS đi vắng.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, cho từ chức và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc TTCNS do Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Các phòng chuyên môn thuộc TTCNS, gồm có:

- Phòng Hành chính, Dịch vụ và Truyền thông.
- Phòng Công nghệ, nền tảng số và An ninh mạng.

Phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và số lượng người làm việc thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

2. Số lượng người làm việc

a) Số lượng người làm việc của TTCNS được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Sở Thông tin và Truyền thông được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm TTCNS xây dựng Đề án vị trí việc làm, kế hoạch số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Kinh phí hoạt động

TTCNS thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đổi tên và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Công nghệ số trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, ĐV;
- Lưu: VT, NC(TPT).

CHỦ TỊCH

Hồ Tiến Thiệu